

Số: 16 /2020/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác Dân số và phát triển
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ khoản 4, Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày
06 tháng 7 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định một số chính sách
hỗ trợ công tác Dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-
2025” và Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Tờ trình số 142/TTr-UBND; Báo cáo
thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Cộng tác viên dân số các thôn, tổ dân phố.

b) Người có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Vĩnh Phúc thuộc: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng nông thôn, vùng miền núi, đối tượng bảo trợ xã hội khi thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, gồm: Đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai, cấy thuốc tránh thai.

c) Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Vĩnh Phúc thuộc: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, vùng miền núi khi thực hiện dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: 150.000 đồng/người/tháng.

b) Hỗ trợ chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (gồm chi phí mua thuốc thiết yếu, vật tư y tế, công thủ thuật và chi phí khác theo quy định): Mức chi hỗ trợ theo quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các quy định tài chính hiện hành.

c) Hỗ trợ chi phí thực hiện dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh cho các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cụ thể như sau:

Hỗ trợ chi phí cho phụ nữ mang thai thực hiện dịch vụ siêu âm tầm soát dị tật thai nhi: 160.000 đồng/trường hợp/1 lần mang thai;

Hỗ trợ chi phí cho trẻ sơ sinh thực hiện dịch vụ sàng lọc sơ sinh với 05 bệnh bẩm sinh phổ biến: 550.000 đồng/trường hợp.


05 bệnh bẩm sinh phổ biến, gồm: G6PD (Thiếu men G6PD); CH (Suy giáp bẩm sinh); PKU (Phenylketonuria hay rối loạn chuyển hóa axit amin); CAH (Tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh); GAL (Galactosemia hay rối loạn chuyển hóa đường).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn chi thường xuyên từ ngân sách tỉnh.


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVI, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế; Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chánh, Phó Văn phòng và chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH(01).L(100). 



CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thúy Lan